

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1161* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *04* tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Chinh trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác
bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Xét Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Chinh trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái số 183/BC-
HĐTĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chinh
trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ
sung gửi kèm theo Văn bản số 175/QLDA-QLDA&PTĐT ngày 30 tháng 5 năm
2023 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
285/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chinh trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là Chủ dự án) thực hiện tại Tổ dân phố


1, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thế Phước



CHÍNH TRẠNG ĐÔ THỊ, THỊ TRẤN YÊN THẾ, HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI
 Quyết định số: **1161** /QĐ-UBND ngày **04** tháng 7 năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Chính trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Địa điểm thực hiện dự án: Tổ dân phố 1, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Chủ dự án: Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án được thực hiện san tạo mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật chính trang đô thị tại khu vực Tổ dân phố 1, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với diện tích khoảng 45.000 m² và đổ thải, tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng cho 15 dự án trên địa bàn huyện Lục Yên với diện tích khoảng 85,85 ha do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái làm Chủ đầu tư. Việc sử dụng đất đá thải làm vật liệu đất đắp để san lấp tạo mặt bằng của 15 dự án sẽ được Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ hồ sơ pháp lý theo đúng quy định của Luật Khoáng sản trước khi thi công xây dựng công trình.

- Quy mô dân số tối đa Dự án: 512 người.

- Tọa độ khu vực thực hiện dự án như sau:

Tên cọc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)		Tên cọc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
A1	2445592.27	499599.14	A8	2445561.35	499861.86
A2	2445641.35	499625.45	A9	2445544.41	499939.15
A3	2445648.17	499657.02	A10	2445521.32	499944.64
A4	2445593.93	499772.55	A11	2445530.63	499983.82
A5	2445567.97	499766.60	A12	2445469.33	499998.38
A6	2445535.11	499842.61	A13	2445413.39	499762.86
A7	2445536.57	499848.76			



Tọa độ khu vực trung tâm bãi đổ thải dự án như sau:

TT	Vị trí đổ thải	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	Dự án Chính trang đô thị thôn Cốc Há, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445482,80	502788,77
2	Dự án Chính trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445804.95	502867.44
3	Dự án Chính trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445959.70	503193.04
4	Dự án Chính trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu C), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445820.60	503076.68
5	Dự án San tạo mặt bằng trường THCS Dân tộc nội trú, huyện Lục Yên	2445974.39	502860.29
6	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn, Thôn 1 xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên	2445612,10	499238,90
7	Dự án Đường tránh thị trấn Yên Thế (đoạn Cụm công nghiệp Yên Thế - tỉnh lộ 170 huyện Lục Yên	2445615.09	503435.14
8	Dự án chỉnh trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445521.32	499944.64
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư thôn Cây Thị xã Liễu Đô (khu 2), huyện Lục Yên	2445155.49	505402.73
10	Dự án Chính trang khu dân cư thôn Cây Thị xã Liễu Đô (khu 3), huyện Lục Yên	2445029.79	505606.45
11	Dự án Đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445982.20	503803.33
12	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 8, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445704.79	501693.70
13	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 9, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445525.85	501879.06
14	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 3, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2445848.73	501179.93
15	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 11, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	2446016.27	502268.59



1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính

- San tạo tổng mặt bằng: San tạo mặt bằng quỹ đất dân cư với diện tích 45.000 m², trong đó: Diện tích mặt bằng phân lô tạo quỹ đất dân cư đô thị 15.247,45 m²; diện tích đất thể dục thể thao 338,03 m²; diện tích đất công viên, cây xanh 1.721,67 m²; diện tích đất bãi đỗ xe tĩnh 809,26 m²; diện tích đất hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước thải) 358,09 m², diện tích đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác 8.354,55 m², diện tích đất dự trữ phát triển 2.543,82 m², diện tích đất ta luy 15.969,13 m².

- Số lô đất dự kiến 128 lô.

- Tiến hành đổ thải với diện tích 85,85 ha tại 15 dự án trên địa bàn huyện Lạc Yên do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Lạc Yên, tỉnh Yên Bái làm chủ đầu tư.

- Hệ thống giao thông nội bộ quỹ đất khu dân cư

- Tổng chiều dài các tuyến trục đường nội bộ thiết kế là $L = 670$ m. Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,5$ m; bề rộng vỉa hè $B_{vh} = 2$ m x 3,0 m = 6,0 m.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, rãnh dọc, bó vỉa, vỉa hè; hệ thống điện sinh hoạt; nước sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ tại quỹ đất khu dân cư.

Các hoạt động của dự án gồm hoạt động thi công xây dựng, vận hành công trình (*quá trình sinh hoạt của các hộ dân cư trong khu vực và hoạt động của các phương tiện giao thông...*).

c) Các hoạt động và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khu vực đổ thải

Các dự án (15 dự án) là địa điểm khu vực đổ thải sẽ thực hiện lập hồ sơ thủ tục về bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện đầu tư các công trình, biện pháp theo hồ sơ môi trường được phê duyệt, cấp phép cho nên việc đánh giá tác động và đề xuất công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với 15 dự án tiếp nhận đất đá thải của dự án không thực hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án này.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án phải thực hiện chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước là 298,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.

- Phát quang thảm thực vật.

- Đào, đắp, san tạo mặt bằng.

- Hoạt động vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu.



- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ công nhân trên công trường.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục, công trình.
- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng khoảng 3,0 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là: Nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

+ Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 11,0 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng.

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa rơi trên bề mặt công trường thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh khoảng 724 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng. Ngoài ra, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất đá,...

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án với tổng lưu lượng khoảng 52 m³/ngày đêm. Ngoài ra, dự án còn kết nối và tiếp nhận nước thải từ Dự án chỉnh trang đô thị tổ dân phố 1, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên khoảng 21 m³/ngày đêm và khu dân cư gần khu vực dự án khoảng 20 m³/ngày đêm. Như vậy, tổng lượng nước thải dự án sẽ xử lý là 94 m³/ngày đêm

Thành phần chất ô nhiễm chủ yếu của nước thải: Nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.



+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề của dự án với lưu lượng phát sinh khoảng 3.376 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ, đất đá,...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc thi công; quá trình đào đắp, san nền, bốc xúc và vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình của dự án... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂...

- Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, khí thải từ quá trình đun nấu... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂, bụi...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường với tổng khối lượng phát sinh khoảng 27 kg/ngày.

+ Chất thải rắn xây dựng: Vật liệu xây dựng thải phát sinh từ quá trình thi công với tổng khối lượng khoảng 139,76 tấn/giai đoạn.

+ Đất đá thải từ quá trình san gạt, đào đắp: 878.500 m³ tương đương 1.317.750 tấn.

+ Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng 1.172 m³, thành phần chủ yếu là gạch vữa hỏng, bê tông...

+ Sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang thảm thực vật: 5,35 tấn/giai đoạn.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân với tổng khối lượng khoảng 461 kg/ngày.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với lượng phát sinh 16 kg/ngày (chu kỳ nạo vét bùn là 06 tháng/lần).

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công và sinh hoạt của công nhân tại công trường với tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,24 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ chai đựng dầu nhớt; ắc quy hỏng; các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu, mỡ;...

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày sửa chữa thiết bị của người dân với tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,79 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng và hoạt động của phương tiện vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu đô thị; các phương tiện, thiết bị, máy móc của người dân, khách vãng lai trong khu đô thị.

3.4. Các tác động môi trường khác và sự cố môi trường của dự án

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Dự án chuyển đổi 298,5 m² đất chuyên trồng lúa nước. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Nguy cơ sạt lở ta luy trong quá trình đánh đất san tạo mặt bằng của dự án.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (muru bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; vỡ, hỏng đường ống cấp, thoát nước, sự cố của trạm xử lý nước thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án bố trí 02 nhà vệ sinh di động (kích thước mỗi nhà vệ sinh di động là C x R x H = 1350 mm x 1896 mm x 2400 mm); dung tích bồn từ hoại 1000 lít; được làm từ vật liệu composite). Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

+ Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào trần thoát nước chạy bao quanh khu vực của Dự án dài 600 m, kích thước 0,6 m x 0,6 m, trên tuyến rãnh bố trí các hố thu nước (khoảng cách trung bình 40 m/01 hố). Nước mưa sau thu gom, lắng cặn được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Định kỳ sau mỗi đợt mưa đơn vị tiến hành nạo vét bùn đất trong rãnh thoát nước và hố thu.

+ Nước thải thi công xây dựng: Bố trí rãnh tạm đào trần để thu gom nước thải thi công, kích thước 0,6 m x 0,6 m, 04 hố lắng sơ bộ, kích thước 2,0 m x 2,0 m x 1,0 m, có đặt vách ngăn để thu váng dầu, tách cặn rắn lơ lửng trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh cần xử lý khoảng 93 m³/ngày đêm, cụ thể từ các nguồn sau:

(i) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân tại dự án khoảng 52 m³/ngày đêm.

(ii) Tiếp nhận từ Dự án chỉnh trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên khoảng 21 m³/ngày đêm.

(iii) Tiếp nhận từ khu vực dân cư xung quanh 02 dự án là 20 m³/ngày đêm

Các hộ gia đình trong phạm vi dự án này; Dự án chỉnh trang đô thị (Tổ



phố 1), thị trấn Yên Thế và khu vực dân cư xung quanh 02 dự án trong quá trình xây dựng và hoạt động phải đầu tư xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ, toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sau đó theo hệ thống ống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý.

Với tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh cân xử lý là $93 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, Chủ dự án lựa chọn thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung với hệ số an toàn công trình là 1,29 thì quy mô, công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung là $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Thông số kỹ thuật trạm xử lý nước thải như sau:

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật (dài x rộng x cao)	Đơn vị	Số lượng
1	Song chắn rác	0,11m x 0,11m		
2	Bể thu gom (kết hợp chắn rác)	$1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m} = 6,5 \text{ m}^3$	BỂ	01
3	Bể tách dầu mỡ	$1,0 \text{ m} \times 2,0\text{m} \times 1,0 \text{ m} = 2 \text{ m}^3$	BỂ	01
4	Bể điều hoà	$4,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m} = 23,6 \text{ m}^3$	BỂ	01
5	Bể thiếu khí	$3,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m} = 18,4 \text{ m}^3$	BỂ	01
6	Bể hiếu khí	$3,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m} = 18,4 \text{ m}^3$	BỂ	01
7	Bể lắng sinh học	$2,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m} = 13,1 \text{ m}^3$	BỂ	01
8	Bể khử trùng	$2,5\text{m} \times 1,2\text{m} \times 3,5\text{m} = 10,5 \text{ m}^3$	BỂ	01
9	Bể chứa bùn	$1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m} = 7,9 \text{ m}^3$	BỂ	01
10	Bể sự cố	$4,0\text{m} \times 3,0\text{m} \times 3,5\text{m} = 42\text{m}^3$	BỂ	01

+ Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn từ 03 khu vực theo đường ống dẫn thu gom về trạm xử lý nước thải công suất $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, gồm các bước xử lý như sau: Bể thu gom → bể tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → Bể khử trùng (dung dịch là dung dịch Javen) → Nguồn tiếp nhận (suối Chuông). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm sang bể chứa bùn và định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số $K=1,0$) trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Nước Javen.

+ Vật liệu sử dụng: Giá thể MBBR (thả vào bể hiếu khí), mật ri đường (pha trong bồn dinh dưỡng để bơm định lượng vào bể thiếu khí).

- Nước mưa chảy tràn: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa như sau:

+ Các tuyến đường trục nội bộ được thiết kế công trình thoát nước ngang: Bao gồm 04 công bản có khẩu độ thoát nước $Lo=75 \text{ cm}$; móng cống, thân cống bằng BTXM M200, tấm bản đáy cống bằng BTCT M300.

+ Rãnh dọc gồm có 02 loại:



Rãnh thoát nước dọc hai bên các tuyến trục đường nội bộ chiều dài $L=1000$ m thiết kế với khẩu độ thoát nước $L_0=60$ cm. Thiết kế lắp đặt tấm đan đáy rãnh bằng bê tông xi măng M250, dày 10 cm. Đáy rãnh, thành rãnh bằng bê tông xi măng M200, dày 20cm. Trung bình 20m theo chiều dài rãnh bố trí một hố thu nước mặt đường vào rãnh dọc bằng BTXM M200, có chiều dày đáy và thành hố thu $B=15$ cm, trên miệng hố thu nước được đặt tấm chắn rác bằng gang đúc.

Rãnh thoát nước khu vực chiều dài $L=120$ m, thiết kế khẩu độ $L_0=150$ cm, tường, đáy rãnh bê tông xi măng M200 dày 30 cm. Thiết kế lắp đặt tấm đan đáy rãnh hoàn chỉnh, tấm đan đáy rãnh bằng bê tông cốt thép M300, dày 15 cm.

b) Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án như: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động; vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi dự án (*tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường*); các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm; phun tưới nước trên mặt bằng khu vực có hoạt động thi công với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (*vào thời điểm thời tiết hanh khô*); bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đồ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hằng ngày.

+ Giảm thiểu tác động từ tưới nhựa đường, trải asphat: Yêu cầu người lao động phải sử dụng các trang bị bảo hộ lao động thích hợp trong khi suốt quá trình tưới nhựa đường như: Khẩu trang, găng tay chống nhiệt có măng sắt cài khít cổ tay; mang bảo vệ mắt và mặt. Quần áo bảo hộ lao động có măng sắt đầy đủ dài trùm qua cổ găng tay, ống quần dài đủ trùm qua cổ giày bảo hộ lao động. Giày bảo hộ lao động đế mềm, cách nhiệt, mũi cứng. Mũ cứng, có dải che gáy. Quần áo bẩn do dính nhựa đường cần được loại bỏ hay giặt khô để tránh việc nhựa đường thấm vào quần áo bên trong.

b) Giai đoạn hoạt động

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định.

- Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại Dự án: Tuyên truyền, vận động, khuyến cáo các hộ dân hạn chế sử dụng bếp than, bếp tổ ong trong nấu ăn. Tuyệt đối không nấu ăn tại khu vực hành lang và khu vực công cộng. Tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

- Mùi, khí từ trạm xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý bảo đảm không ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất xung quanh. Mùi khí phát sinh từ các bể của hệ thống sẽ được thu gom và xử lý qua tháp xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu nồng độ bụi, khí thải khu vực dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường được thu gom, lưu giữ bằng 08 thùng rác có nắp đậy bằng composite, dung tích mỗi thùng 200 lít. Chất thải có thể tái chế được bán cho đơn vị thu mua phế liệu; phần chất thải không thể tái chế thì hợp đồng với Công ty Cổ phần nước sạch và môi trường Lục Yên định kỳ đến thu gom, xử lý.

+ Chất thải rắn xây dựng: Đối với gạch vỡ, cát, bê tông vỡ được thu gom tập kết tại khu tập kết chất thải xây dựng sử dụng bạt phủ sau đó tận dụng lại để cứng hoá bề mặt khu vực thi công xây dựng.

+ Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Đối với đất đá thải từ hoạt động đào đắp, san tạo mặt bằng: Đổ thải tại 15 dự án trên địa bàn huyện Lục Yên do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái làm Chủ đầu tư.

TT	Tên công trình	Khoảng cách đổ thải (km)	Khối lượng đổ thải (m ³)	Diện tích (ha)
I	Tổng khối lượng		878.500	85,85
1	Dự án Chinh trang đô thị thôn Cốc Há, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	4	3.500	0,30
2	Dự án chinh trang đô thị, quỹ đất tại Tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	4	11.000	2,45
3	Dự án chinh trang đô thị, quỹ đất tại Tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	4	35.000	1,85
4	Dự án chinh trang đô thị, quỹ đất tại Tổ dân phố 12 (khu C), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	4	50.000	38,50
5	Dự án San tạo mặt bằng trường THCS Dân tộc nội trú, huyện Lục Yên	4	85.000	1,87



	Tên công trình	Khoảng cách đổ thải (km)	Khối lượng đổ thải (m ³)	Diện tích (ha)
6	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn, Thôn 1 xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên	1	26.000	0,60
7	Dự án đường tránh thị trấn Yên Thế (đoạn Cụm công nghiệp Yên Thế - tỉnh lộ 170 huyện Lục Yên	0.5	130.000	8,60
8	Dự án chỉnh trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	1	12.000	0,71
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư thôn Cây Thị xã Liễu Đô (khu 2), huyện Lục Yên	5	12.000	1,26
10	Dự án chỉnh trang khu dân cư thôn Cây Thị xã Liễu Đô (khu 3), huyện Lục Yên	5	4.500	0,4
11	Dự án Đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	4	84.000	14,51
12	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 8, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	3	86.000	3,00
13	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 9, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	3	90.000	9,00
14	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 3, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	3	99.500	1,50
15	Dự án chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 11, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	4	150.000	1,30

Có biện pháp đảm bảo an toàn bãi thải, thực hiện đổ thải như sau: Đổ từ dưới lên, có máy móc để lu lèn, san gạt, đổ thải đúng theo thiết kế, đúng khối lượng thiết kế, không làm cản trở thoát nước.

Các dự án (15 dự án) là địa điểm khu vực đổ thải sẽ thực hiện lập hồ sơ thủ tục về bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện đầu tư các công trình, biện pháp theo hồ sơ môi trường được phê duyệt, cấp phép cho nên việc đánh giá tác động và đề xuất công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với 15 dự án tiếp nhận đất đá thải của dự án không thực hiện trong báo cáo ĐTM của dự án này.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tại các hộ gia đình tự bố trí các thùng đựng rác để thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Các loại chất thải được phân loại tại nguồn trước khi đem đi thu gom xử lý. Dọc tuyến đường chính bố trí các thùng thu gom chất thải chuyên ra khu tập kết rác thải tập trung của dự án (bố trí cạnh khu xử lý nước thải) để đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn thị trấn thu gom, vận chuyển đi xử lý.



Chất thải rắn thông thường: Toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động chăm sóc cây xanh, nạo vét rãnh nước, hồ thu được tận dụng bón vào đất cho cây trong diện tích cây xanh của dự án.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong kho lưu giữ tạm thời CTNH 10m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Kiểm soát thời gian và các hoạt động xây dựng cơ bản trên công trường; sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây tiếng ồn, rung; bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn trong trường hợp không cần thiết; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

b) Giai đoạn hoạt động: Lập nội quy ra/vào khu vực; bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Phương án giảm thiểu tác động do suy giảm diện tích đất trồng lúa

Dự án sử dụng khoảng 298,5 m² đất chuyên trồng lúa nước. Chủ dự án sẽ nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b) Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng, sạt lở, bồi lắng

Thực hiện công tác giám sát các hoạt động thi công san nền, thi công đường giao thông, thi công hệ thống cống thoát nước; tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công phù hợp; hạn chế những ảnh hưởng từ thiên tai, các hạng mục công trình thi công đúng kỹ thuật và quy trình xây dựng; xây dựng phương án phòng chống mưa lũ, thiên tai trước mùa mưa bão; che chắn các bãi vật liệu đất đá để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi; rãnh đào có bố trí các hố ga tại các khu vực như lán trại nhà điều hành, bãi tập kết để lắng cặn đất, đá, sỏi, cát... trước khi nước thải tiêu thoát vào môi trường xung quanh.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Bố trí lực lượng ứng trực phòng chống thiên tai lũ lụt trên công trường thi công để giám sát, kịp thời phát hiện các thiệt hại, rủi ro, sự cố do mưa bão gây ra, tìm hướng khắc phục. Giám sát, phối hợp với bên môi trường tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong phạm vi tác động của dự án.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: Cấm hút thuốc tại công trường; công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; đầu tư các thiết bị phòng, chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường; phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát, hệ thống ống phun nước...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường (đoạn ra vào dự án).

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Ứng phó sự cố cháy, nổ: Tuyên truyền, hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas, phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas; thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; trang bị hệ thống chống sét cho các tòa nhà của dự án.

- Đối với sự cố công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

+ Thiết kế và xây dựng Trạm xử lý nước thải dung tích chứa gấp 1,29 lần (120 m³/ngày đêm) so với lưu lượng nước thải sinh hoạt (93 m³/ngày đêm) nhằm đảm bảo sức chứa khi xảy ra sự cố trạm xử lý nước thải.

+ Xây dựng bể sự cố với kích thước: Dài x rộng x cao = 4,0 m x 3,0 m x 3,5 m = 42 m³.



+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, thuê đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý tạm thời. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát (03 vị trí): khu vực tiếp giáp tuyến đường Khánh Hòa -:- Minh Xuân phía Tây dự án; khu vực dân cư giáp tuyến đường Khánh Hòa -:- Minh Xuân; điểm khí khu vực phía Đông Nam dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát môi trường nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (04 vị trí): Mẫu nước thải sau mỗi hố lắng sơ bộ.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

c) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước mặt tại suối Chuông, thôn Hin Lò, xã Yên Thắng, huyện Lạc Yên.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, nhiệt độ, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, Pb, Cd, Fe, As, PO₄³⁻, Cl, dầu mỡ tổng, Coliform.

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B).

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất: Hằng ngày.

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn chất thải nguy hại

đ) Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lún, sạt lở.

- Tần suất: Thường xuyên.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

+ Tần suất: Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1).

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Giám sát giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải: Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Tuy nhiên, khuyến khích dự án thực hiện quan trắc, giám sát để thực hiện đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải sinh hoạt với những nội dung như sau:

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm

+ Tần suất: 6 tháng/lần

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1).



Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-PTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyên giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

6.1. Việc đổ thải và tận dụng đất đá thải làm vật liệu san lấp cho 15 dự án trên địa bàn huyện Lục Yên do Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư phải thực hiện bảo đảm đầy đủ hồ sơ pháp lý theo đúng quy định của Luật Khoáng sản trước khi triển khai thi công xây dựng công trình.

6.2. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.3. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

6.4. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

6.5. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.6. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái xung quanh khu vực.

6.7. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.8. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.9. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước



ve bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.11. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.